|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Hà Nam, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết Quy định**

**về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

**I. Căn cứ pháp lý**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ**[Luật Ngân sách nhà nước](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-ngan-sach-nha-nuoc-nam-2015-281762.aspx" \t "_blank) ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam.*

**II. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

**1**. Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó quy định phân loại mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công gồm:

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên;

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;

- Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;

**2.** Tại Điều 12 Mục 2 phân cấp thẩm quyền Quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Nam chưa quy định phân cấp thẩm quyền đối với ***Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên.***

Do đó, để có cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo đúng quy định về mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Đồng thời, xuất phát từ tình hình thực tế, nhằm tăng cường trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị quyết Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Hà Nam là cần thiết và phù hợp.

Cụ thể, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Nam và Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng: bổ sung đối tượng phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công đối với ***Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; thay đổi mức phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (nâng mức); bổ sung nguồn kinh phí thực hiện mua sắm tài sản của đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.***

**III. Nội dung Nghị quyết**

**1**. **Sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:**

1. Bổ sung Điều 12a như sau:

**“Điều 12a**. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên.

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà.

b) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên mua sắm tài sản hàng hoá, dịch vụ từ nhiều nguồn trong đó có nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản hàng hoá, dịch vụ thực hiện như đối với sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định mua sắm các tài sản cố định trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và các hàng hoá, dịch vụ không phải là tài sản cố định từ nguồn thu hợp pháp, nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động theo chế độ quy định, không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản công

Thực hiện như phân cấp thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước tại Mục 1 Chương II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 và Điều 1 Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“Điều 13**. **Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà.

2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư mua sắm tài sản hàng hoá, dịch vụ từ nhiều nguồn trong đó có nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản hàng hoá, dịch vụ thực hiện như đối với sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm các tài sản cố định trừ quy định tại khoản 1 Điều này và các hàng hoá, dịch vụ không phải là tài sản cố định từ nguồn thu hợp pháp, nguồn vốn vay, nguồn vốn huy động theo chế độ quy định, không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều này.

**2.** **Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:**

“2. Điều 5 Mục 1 Chương II được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản công trong các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;

c) Đối với các tài sản công khác: có giá trị từ 10 tỷ đồng trở lên trên 01 gói thầu mua sắm.

3. Đối với tài sản mua sắm là phương tiện vận tải; máy móc, trang thiết bị làm việc và các loại tài sản khác (trừ quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoan 2 Điều này) thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công có giá trị từ 01 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng trên 01 gói thầu mua sắm. Trường hợp các sở, ban, ngành và tương đương có các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành Cấp tỉnh, cấp huyện (có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 01 tỷ đồng trên 01 gói thầu mua sắm.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ khác (không thuộc đối tượng là tài sản công) thực hiện như đối với việc mua sắm tài sản công.””

**3.** Các nội dung khác được thực hiện theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 và Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**4.** Thời gian thực hiện: Từ .......2024.

**5.** Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết

- Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn thu của đơn vị.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - TT Tỉnh ủy (để b/c);  - TT HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - UBMTTQ tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - VPUB: LĐVP, TH;  - Lưu: VT, KT. | **TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trương Quốc Huy** |